

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN MIỀN TRUNG**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 37

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ” hoặc “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200519791, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 37121000136 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 6 ngày 20 tháng 08 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 VND lên 319.999.690.000 VND.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 08/QĐ-TTGDHN ngày 07/01/2009 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán SEB. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 14/01/2009.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 058.3878092
- Fax : 058.3878093

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đinh Quang Chiến	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Quang Sáng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Bà Đinh Thu Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trịnh Giang Nam	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Kỳ Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018
Ông Bạch Đức Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Hoài Nam (tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 03 năm 2019).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoài Nam - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 03 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn-Hoài Nam

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0452/20/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 18 tháng 8 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.231.598.521	108.613.022.268
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.076.636.262	38.613.323.586
1. Tiền	111		2.976.636.262	21.613.323.586
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.100.000.000	17.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.650.000.000	21.700.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	18.650.000.000	21.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.238.471.284	45.739.597.992
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	26.440.428.126	41.947.508.621
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.276.601.272	2.403.411.802
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.005.149.468	2.872.385.151
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.483.707.582)	(1.483.707.582)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.120.767.468	2.473.419.586
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.120.767.468	2.473.419.586
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		145.723.507	86.681.104
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	120.790.744	73.537.841
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		24.932.763	13.143.263
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		684.049.634.098	710.035.572.222
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		614.737.457.202	635.836.619.188
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	604.428.314.671	625.483.634.979
<i>Nguyên giá</i>	222		1.073.225.306.589	1.073.225.306.589
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(468.796.991.918)	(447.741.671.610)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.309.142.531	10.352.984.209
<i>Nguyên giá</i>	228		11.171.258.705	11.171.258.705
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(862.116.174)	(818.274.496)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		213.077.459	213.077.459
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	213.077.459	213.077.459
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		69.099.099.437	73.985.875.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	64.151.902.131	65.559.518.269
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	4.947.197.306	8.426.357.306
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		774.281.232.619	818.648.594.490

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		284.029.976.395	314.901.593.686
I. Nợ ngắn hạn	310		95.922.140.079	103.738.343.672
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.928.264.070	9.534.744.284
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.820.579.573	10.491.142.795
4. Phải trả người lao động	314		1.991.065.457	1.725.082.953
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.268.170.791	4.095.574.554
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	644.521.814	4.019.413.693
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	66.002.739.246	68.501.835.842
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.266.799.128	5.370.549.551
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		188.107.836.316	211.163.250.014
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	188.107.836.316	211.163.250.014
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		490.251.256.224	503.747.000.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	490.251.256.224	503.747.000.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		319.999.690.000	319.999.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		319.999.690.000	319.999.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.514.413.118	5.131.317.454
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.707.330.247	2.531.788.352
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.409.964.321	67.372.426.961
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.772.467.261	67.372.426.961
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.637.497.060	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		106.619.858.538	108.711.778.037
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		774.281.232.619	818.648.594.490

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu



Hoàng Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng



Lê Quang Đạo

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2020



Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	121.452.211.028	143.527.930.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		121.452.211.028	143.527.930.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	43.767.007.216	46.223.570.569
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.685.203.812	97.304.360.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.436.311.765	1.872.581.985
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.793.129.103	11.799.825.535
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.720.730.301	11.651.487.006
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.487.293.812	7.097.433.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.841.092.662	80.279.683.789
11. Thu nhập khác	31	VI.6	235.344.357	167.168.209
12. Chi phí khác	32	VI.7	94.203.992	33.521.314
13. Lợi nhuận khác	40		141.140.365	133.646.895
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.982.233.027	80.413.330.684
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	6.511.020.107	5.079.127.735
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>56.471.212.920</u>	<u>75.334.202.949</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.19	<u>56.129.723.131</u>	<u>73.078.132.221</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.19	<u>341.489.789</u>	<u>2.256.070.728</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.668</u>	<u>2.176</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.668</u>	<u>2.176</u>

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thanh Vân

Lê Quang Đạo

Nguyễn Hoài Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.982.233.027	80.413.330.684
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9;10	21.099.161.986	20.175.986.666
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	63.336.302	148.338.529
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.324.666.768)	(1.862.489.089)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.720.730.301	11.651.487.006
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		93.540.794.848	110.526.653.796
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.402.338.908	(38.135.127.285)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.831.812.118	152.618.304
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.970.758.653)	(588.682.297)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.360.363.235	6.294.403.912
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.091.134.064)	(11.086.314.234)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(6.434.286.265)	(3.077.645.508)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(4.870.773.023)	(4.965.937.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		87.768.357.104	59.119.968.708
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.650.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.700.000.000	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.411.665.068	1.967.736.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.461.665.068	1.967.736.499

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	17.059.423.127
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(25.617.846.596)	(29.263.675.543)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(67.148.862.900)	(60.753.733.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.766.709.496)	(72.957.985.516)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(536.687.324)	(11.870.280.309)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.613.323.586	14.038.878.169
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	38.076.636.262	2.168.597.860

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Lê Quang Đạo

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoài Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về thay đổi tỷ lệ vốn góp vào công ty con

Trong kỳ, Công ty mẹ đã góp bổ sung vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom dưới hình thức bù trừ nợ gốc vay (50 tỷ VND) và nợ lãi vay (8 tỷ VND) phải thu công ty con. Theo đó, tỷ lệ vốn góp tại công ty con tăng từ 64,94% lên 69,8%. Chênh lệch lợi ích của Công ty nhận được tại công ty con sau ngày thay đổi tỷ lệ được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

5b. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom có trụ sở chính tại thôn K8, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 69,8% (số đầu năm là 64,94%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán có 91 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong nhóm Công ty (số đầu năm là 90 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty mẹ đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phi khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Nhóm Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu, giá gốc được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định canh và tái định cư phục vụ việc xây dựng công trình Nhà máy thủy điện được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất (Xem thuyết minh V.8b).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của nhóm Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (45 năm).
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 03 đến 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá được quy định tại các Hợp đồng kinh tế ký kết với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	165.501.127	129.527.776
Tiền gửi ngân hàng	2.811.135.135	21.483.795.810
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	35.100.000.000	17.000.000.000
Cộng	<u>38.076.636.262</u>	<u>38.613.323.586</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang	11.400.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank) - Chi nhánh Khánh Hòa	7.250.000.000	10.700.000.000
Cộng	<u>18.650.000.000</u>	<u>21.700.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu bên liên quan - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (Cổ đông lớn) về bán điện thương phẩm.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiết bị điện Miền Trung	170.134.290	363.341.500
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	400.172.400	400.172.400
Công ty TNHH Huy Quang	362.293.380	362.293.380
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	334.303.152	334.303.152
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Trọng Khôi	600.000.000	600.000.000
Các nhà cung cấp khác	409.698.050	343.301.370
Cộng	<u>2.276.601.272</u>	<u>2.403.411.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	89.779.763		48.024.181	
Ông Đinh Quang Chiến - Thuế TNCN đã khấu trừ và nộp hộ		-	13.579.000	
Ông Trịnh Giang Nam - Tạm ứng	89.779.763		34.445.181	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.915.369.705		2.824.360.970	
Ông Đinh Văn Hải - Tạm ứng	266.732.795		266.732.795	
Ông Dương Quốc Bình - Tạm ứng	1.715.500.000		1.715.500.000	
Tạm ứng cho các cá nhân khác	116.702.845		72.644.245	
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	564.904.000		651.902.300	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	251.530.065		117.581.630	
Cộng	3.005.149.468		2.872.385.151	

6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH E.T.N.T	161.848.000	161.848.000
Công ty TNHH Huy Quang	362.293.380	362.293.380
Trung tâm Phân tích & Kiểm Nghiệm Bình Định	25.263.050	25.263.050
Công ty Cổ phần Xây Dựng Sông Hồng	334.303.152	334.303.152
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Trọng Khôi	600.000.000	600.000.000
Cộng	1.483.707.582	1.483.707.582

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.483.707.582	1.458.444.532
Trích lập dự phòng bổ sung	-	25.263.050
Số cuối kỳ	1.483.707.582	1.483.707.582

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.081.326.220	-	2.432.078.338	-
Công cụ, dụng cụ	39.441.248	-	41.341.248	-
Cộng	3.120.767.468	-	2.473.419.586	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.572.500	16.428.751
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	114.218.244	57.109.090
Cộng	<u>120.790.744</u>	<u>73.537.841</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.539.736.257	2.654.161.623
Chi phí công cụ, dụng cụ	518.565.443	638.143.989
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	54.758.701.870	55.876.226.416
Chi phí kiểm định an toàn đập, thí nghiệm định kỳ	253.376.181	452.367.237
Chi phí sửa chữa khắc phục bão lũ	624.687.735	1.184.511.690
Chi phí sơn đường ống bảo trì công trình	1.510.271.358	2.013.695.148
Chi phí sửa chữa đập chính và đập phụ	2.055.309.120	2.740.412.166
Chi phí sửa chữa bánh xe công tác	2.891.254.167	
Cộng	<u>64.151.902.131</u>	<u>65.559.518.269</u>

(*) Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định canh và tái định cư phục vụ việc xây dựng công trình Nhà máy thủy điện Trà Xom được phân bổ trong thời gian 534 tháng (kể từ ngày 01/7/2013 đến hết thời gian thuê đất còn lại ngày 01/01/2058).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	701.241.913.306	344.763.157.795	25.144.620.554	1.877.953.589	197.661.345	1.073.225.306.589
Phân loại lại TSCĐ		1.598.755.599		(1.598.755.599)		
Số cuối kỳ	701.241.913.306	346.361.913.394	25.144.620.554	279.197.990	197.661.345	1.073.225.306.589
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.681.201.981	8.607.025.709	3.641.425.704	203.271.190	-	15.132.924.584
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	251.196.127.032	185.068.237.087	10.627.136.182	804.050.325	46.120.984	447.741.671.610
Phân loại lại TSCĐ		615.102.335		(615.102.335)		
Khấu hao trong kỳ	13.137.371.380	7.097.480.713	800.585.147	10.000.000	9.883.068	21.055.320.308
Số cuối kỳ	264.333.498.412	192.780.820.135	11.427.721.329	198.947.990	56.004.052	468.796.991.918
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	450.045.786.274	159.694.920.708	14.517.484.372	1.073.903.264	151.540.361	625.483.634.979
Số cuối kỳ	436.908.414.894	153.581.093.259	13.716.899.225	80.250.000	141.657.293	604.428.314.671

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 589.609.872.949 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài (*)	Quyền sử dụng đất có thời hạn (**)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.717.871.300	2.123.932.860	329.454.545	11.171.258.705
Số cuối kỳ	<u>8.717.871.300</u>	<u>2.123.932.860</u>	<u>329.454.545</u>	<u>11.171.258.705</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	208.000.000	208.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	519.183.588	299.090.908	818.274.496
Khấu hao trong kỳ	-	23.599.254	20.242.424	43.841.678
Số cuối kỳ	-	<u>542.782.842</u>	<u>319.333.332</u>	<u>862.116.174</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.717.871.300	1.604.749.272	30.363.637	10.352.984.209
Số cuối kỳ	<u>8.717.871.300</u>	<u>1.581.150.018</u>	<u>10.121.213</u>	<u>10.309.142.531</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng Đang chờ thanh lý				

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang với diện tích là 420,09 m² được Công ty sử dụng để xây dựng trụ sở làm việc.

(**) Quyền sử dụng đất diện tích 392.352,63 m² tại xã Ninh Tây, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng đến 27/01/2054 để xây dựng nhà máy thủy điện Ea Krong Rou.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản đã tập hợp của Dự án nhà máy điện mặt trời Ea Krong Rou. Dự án hiện tại đang trong giai đoạn lập báo cáo bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035, khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo chuyên ngành của Dự án Nhà máy Điện mặt trời khu vực Nhà máy Thủy điện Ea Krong Rou, tỉnh Khánh Hòa, kết quả báo cáo đang chờ phê duyệt của Bộ Công Thương.

12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Là giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế tại các nhà máy thủy điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Điện lực Khánh Hoà	380.273.767	-
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nha Trang	-	52.502.200
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.490.344.700	2.944.202.682
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	1.646.040.205	1.646.040.205
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	2.807.273.751	2.807.273.751
Các nhà cung cấp khác	1.604.331.647	2.084.725.446
Cộng	8.928.264.070	9.534.744.284

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.736.879.366	-	11.859.867.012	(13.277.531.992)	2.319.214.386	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.171.200.582	-	6.511.020.107	(6.434.286.265)	3.247.934.424	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.665.000	13.143.263	2.820.321.077	(2.833.775.577)	-	24.932.763
Thuế tài nguyên	2.211.587.987	-	5.979.245.469	(6.927.539.087)	1.263.294.369	-
Tiền thuê đất	-	-	22.538.000	(22.538.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.369.809.860	-	3.491.634.244	(3.871.307.710)	990.136.394	-
Cộng	10.491.142.795	13.143.263	30.690.625.909	(33.372.978.631)	7.820.579.573	24.932.763

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong nhóm Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000136 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện với thuế suất 15% trong 02 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động (2007-2008), thuế suất 10% trong 13 năm tiếp theo (2009-2021), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (2007-2010) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (2011-2019).
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 35101000025 ngày 02 tháng 05 năm 2007, sửa đổi lần 02 ngày 13 tháng 02 năm 2014 do UBND tỉnh Bình Định cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện với thuế suất 10% trong 15 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động (2015-2029), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (2015-2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (2019-2027).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Nhóm Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 1.720,65 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng, từ ngày 20/03/2019 là 1864,44 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung được giảm 30% tiền sử dụng đất đối với diện tích 392.352,63 m² đất đang sử dụng tại xã Ninh Tây, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất do dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Theo thông báo số 13/GĐ của Chi cục thuế huyện Ninh Hòa ngày 11/01/2009).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung phải nộp tiền sử dụng đất cho các khu đất đang sử dụng với các mức như sau:

<u>Diện tích đất</u>	<u>Mức tiền sử dụng đất</u>
- Phần diện tích 375.930,78 m ²	5.700 VND/m ²
- Phần diện tích 4.600,62 m ²	17.100 VND/m ²
- Phần diện tích 2.767,40 m ²	76.874 VND/m ²
- Phần diện tích 5.831,39 m ²	92.834 VND/m ²
- Phần diện tích 1.418,96 m ²	230.280 VND/m ²
- Phần diện tích 1.803,48 m ²	200.640 VND/m ²

Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom được miễn tiền thuê đất của dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom trong 15 năm kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động (2015-2029) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 35101000025 thay đổi lần 2 ngày 13/02/2014.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Nhóm Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường đối với hoạt động khai thác thủy điện với mức 36 VND/KWh x Sản lượng.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	2.207.900.000	2.664.900.000
Chi phí hoạt động HĐQT, BKS	2.207.900.000	2.664.900.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	257.296.226	259.932.226
Chi phí lãi vay phải trả	4.814.584.565	1.184.988.328
Chi phí môi giới chuyển nhượng giảm phát thải CERs	245.686.226	245.686.226
Cộng	7.268.170.791	4.095.574.554

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	275.669.235	208.556.209
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	7.136.768	6.193.113
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam - Phí dịch vụ môi trường rừng từ tháng 01/2011 đến tháng 02/2012	-	3.494.020.560
Cổ tức phải trả	357.738.002	306.666.002
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.977.809	3.977.809
Cộng	<u>644.521.814</u>	<u>4.019.413.693</u>

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>6.280.239.246</i>	<i>9.594.335.842</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài ⁽ⁱ⁾	6.280.239.246	9.594.335.842
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<i>59.722.500.000</i>	<i>58.907.500.000</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	5.822.500.000	5.807.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài	32.500.000.000	31.500.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	21.400.000.000	21.600.000.000
Cộng	<u>66.002.739.246</u>	<u>68.501.835.842</u>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1219670/HĐTĐ ngày 17/09/2018 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND, thời hạn vay không quá 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài (Xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.594.335.842	-	(3.314.096.596)	6.280.239.246
Vay dài hạn đến hạn trả	58.907.500.000	23.118.750.000	(22.303.750.000)	59.722.500.000
Cộng	<u>68.501.835.842</u>	<u>23.118.750.000</u>	<u>(25.617.846.596)</u>	<u>66.002.739.246</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	18.762.541.149	21.617.954.847
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài ⁽ⁱⁱ⁾	92.902.699.419	105.902.699.419
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ⁽ⁱⁱⁱ⁾	76.442.595.748	83.642.595.748
Cộng	<u>188.107.836.316</u>	<u>211.163.250.014</u>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/2005/TDNN ngày 05/01/2005 để đầu tư thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực cho dự án "Thủy điện Ea Krong Rou" với lãi suất vay 1,7%/năm tính trên số dư nợ vay, lãi chậm trả 3,4%/năm tính trên số nợ gồm cả gốc, lãi và phí quá hạn, thời hạn vay 20 năm, trong đó thời gian ân hạn 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý vào ngày 20 tháng cuối của quý, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 12 năm 2008. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy Thủy điện Ea Krong Rou theo hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2009/HĐTCTS ngày 24/09/2009 (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài (BIDV Phú Tài) theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2010/HDDH ngày 24/11/2010 để đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom. Tổng hạn mức tín dụng là 160.000.000.000 VND, thời hạn vay là 09 năm (108 tháng) tính từ ngày 25/03/2016 theo Phụ lục điều chỉnh ngày 18/03/2014. Lãi vay được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV Phú Tài tại thời điểm điều chỉnh, mức lãi suất vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. BIDV Phú Tài và VDB Bình Định đã có biên bản thỏa thuận về mức đảm bảo cho khoản vay này là 54% giá trị tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom sẽ thuộc về VDB Bình Định và 46% cho BIDV Phú Tài (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (VDB Bình Định) theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 112/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 30/10/2008 và các hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung để đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom. Tổng hạn mức tín dụng là 186.000.000.000 VND, thời hạn vay là 177 tháng (14 năm 09 tháng) kể từ ngày rút vốn lần đầu (ngày 17/03/2009). Mức lãi suất vay được quy định theo các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng sửa đổi (lãi suất trong hạn trên hợp đồng gốc là 11,4%/năm, mức lãi suất vay quá hạn là 17,1%/năm). Mức lãi suất đang áp dụng tại thời điểm 30/06/2020 là 6,9%/năm và lãi suất quá hạn là 10,35%/năm, trong đó quy định tại hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung tại ngày 31/12/2015: từ tháng 01/2016 trở đi thứ tự thu nợ gốc được ưu tiên thu vào khoản nợ vay 10,35% trước). Tài sản thế chấp là các tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom với tổng giá trị 496.320.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 111/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 30/10/2008 (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	59.722.500.000	58.907.500.000
Trên 1 năm đến 5 năm	156.265.240.568	159.120.654.266
Trên 5 năm	31.842.595.748	52.042.595.748
Cộng	<u>247.830.336.316</u>	<u>270.070.750.014</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	211.163.250.014
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	63.336.302
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	<u>(23.118.750.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>188.107.836.316</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.862.666.043	1.343.338.300	(1.731.473.023)	1.474.531.320
Quỹ phúc lợi	3.507.883.508	1.423.684.300	(3.139.300.000)	1.792.267.808
Cộng	<u>5.370.549.551</u>	<u>2.767.022.600</u>	<u>(4.870.773.023)</u>	<u>3.266.799.128</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỄN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	Số đầu năm trước	Số cuối kỳ trước			Số đầu năm trước	Số cuối kỳ trước		
Số đầu năm trước	319.999.690.000	10.091.953.084	7.494.423.937	52.696.714.888	111.452.929.981	501.735.711.890		
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	73.078.132.221	2.256.070.728	75.334.202.949		
Trích lập các quỹ	-	-	-	(3.444.943.712)	-	(3.444.943.712)		
Chia cổ tức	-	-	-	(60.799.941.100)	-	(60.799.941.100)		
Hoàn nhập quỹ	-	(4.960.635.630)	(4.962.635.585)	9.923.271.215	-	-		
Số dư cuối kỳ trước	319.999.690.000	5.131.317.454	2.531.788.352	71.453.233.512	113.709.000.709	512.825.030.027		
Số dư đầu năm nay	319.999.690.000	5.131.317.454	2.531.788.352	67.372.426.961	108.711.778.037	503.747.000.804		
Thay đổi tỷ lệ lợi ích do tăng vốn điều lệ	-	383.095.664	175.541.895	1.874.771.729	(2.433.409.288)	-		
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	56.129.723.131	341.489.789	56.471.212.920		
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.767.022.600)	-	(2.767.022.600)		
Chia bổ sung cổ tức năm 2019	-	-	-	(41.599.959.700)	-	(41.599.959.700)		
Chia tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	(25.599.975.200)	-	(25.599.975.200)		
Số dư cuối kỳ này	319.999.690.000	5.514.413.118	2.707.330.247	55.409.964.321	106.619.858.538	490.251.256.224		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.999.969	31.999.969
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.999.969	31.999.969
- Cổ phiếu phổ thông	31.999.969	31.999.969
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.999.969	31.999.969
- Cổ phiếu phổ thông	31.999.969	31.999.969
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Phân phối lợi nhuận năm 2019

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	VND
• Ứng cổ tức đợt 3 năm 2019 (tỷ lệ 5%, theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36CT/HĐQT ngày 15/12/2019)	: 15.999.984.500
• Chia bổ sung cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 8%, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 20/4/2020)	: 25.599.975.200

Tạm phân phối lợi nhuận năm 2020

Trong kỳ, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 20 tháng 4 năm 2020 như sau:

(Mức cổ tức dự kiến năm 2020 là 25%, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu)

	VND
• Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)	: 2.767.022.600
• Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 (tỷ lệ 8%, theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 52CT/HĐQT ngày 20/4/2020)	: 25.599.975.200

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	121.339.462.807	143.527.930.969
Doanh thu khác (bán chứng chỉ I-Rec – Năng lượng tái tạo)	112.748.221	
Cộng	<u>121.452.211.028</u>	<u>143.527.930.969</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Toàn bộ doanh thu bán điện là doanh thu bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Điện lực miền Trung – Cổ đông lớn.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn sản xuất điện.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.324.666.768	1.768.881.356
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.006.997	10.092.896
Lãi ứng trước tiền cổ tức	101.638.000	93.607.733
Cộng	1.436.311.765	1.872.581.985

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.720.730.301	11.651.487.006
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.062.500	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	63.336.302	148.338.529
Cộng	10.793.129.103	11.799.825.535

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.824.017.895	3.042.854.028
Chi phí vật liệu quản lý	7.064.584	
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.330.926	17.645.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.320.358	161.336.448
Thuế, phí và lệ phí	13.850.012	21.904.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	517.667.953	623.278.899
Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	1.545.420.920	1.840.420.920
Các chi phí khác	330.621.164	1.389.993.358
Cộng	5.487.293.812	7.097.433.061

6. Thu nhập khác

Là thu nhập bán chứng chỉ giảm phát thải CERs.

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	51.471.989	
Phí tư vấn bán chứng chỉ giảm phát thải CERs	42.732.003	33.521.314
Cộng	94.203.992	33.521.314

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	56.129.723.131	73.078.132.221
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(2.767.022.602)</u>	<u>(3.444.944.712)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	53.362.700.529	69.633.187.509
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	<u>31.999.969</u>	<u>31.999.969</u>
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.668</u>	<u>2.176</u>

- (*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại (giảm từ 2.242 VND xuống còn 2.176 VND) do hồi tố chi phí năm 2019 (Xem thuyết minh số VII.3b) khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	331.515.766	374.709.789
Chi phí nhân công	10.705.554.116	11.186.604.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.099.161.986	20.175.986.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.454.883.257	1.312.094.079
Phí dịch vụ môi trường rừng	2.309.034.744	2.627.929.224
Thuế tài nguyên nước	5.979.245.469	6.582.175.296
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.182.599.500	958.536.653
Chi phí khác	6.192.306.190	10.102.967.499
Cộng	<u>49.254.301.028</u>	<u>53.321.003.630</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty chỉ phát sinh giao dịch về chia cổ tức và thu lãi ứng trước cổ tức cho các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Chia cổ tức</i>		
Ông Đinh Quang Chiến	15.942.124.800	14.423.827.200
Ông Nguyễn Hoài Nam	51.072.000	46.208.000
Bà Đinh Thu Thủy	16.071.720.000	14.541.080.000
Ông Vũ Quang Sáng	25.536.000	23.104.000
Ông Nguyễn Minh Tiến	324.626.400	293.709.600
<i>Thu lãi ứng trước cổ tức</i>		
Ông Đinh Quang Chiến	49.722.000	46.614.400
Bà Đinh Thu Thủy	51.916.000	46.993.333

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Tổng Giám đốc	243.473.000	240.936.867
Thù lao Hội đồng quản trị	396.000.000	396.000.000
Tiền thưởng	2.420.000.000	1.940.000.000
Cộng	3.059.473.000	2.576.936.867

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với nhóm Công ty chỉ có Tổng Công ty Điện lực miền Trung là cổ đông lớn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch bán hàng đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Điện lực miền Trung		
Chia cổ tức	12.288.000.000	14.592.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của nhóm Công ty do rủi ro và tỷ suất sinh lời của nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ nhóm Công ty cung cấp.

Nhóm công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện và trên lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Số liệu so sánh

3a. Các sai sót

Một số chi phí trả trước dài hạn liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa lớn tài sản cố định và giải phóng mặt bằng thuộc dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom chưa được phân bổ vào chi phí năm 2019. Ngoài ra, nhóm Công ty chưa ghi nhận chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 vào chi phí trong kỳ.

3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ					
Chi phí trả trước dài hạn	261	71.528.894.137	(5.969.375.868)	65.559.518.269	(i)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.348.832.226	1.746.742.328	4.095.574.554	(ii); (v)
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.190.156.021	(1.170.742.328)	4.019.413.693	(v)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	71.652.415.805	(4.279.988.844)	67.372.426.961	(i); (ii)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	111.006.435.768	2.294.657.731	108.711.778.037	(i); (ii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	143.695.099.178	(167.168.209)	143.527.930.969	(iii)
Giá vốn hàng bán	11	43.272.403.949	2.951.166.620	46.223.570.569	(i); (iv)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.809.433.061	288.000.000	7.097.433.061	(ii)
Thu nhập khác	31	-	167.168.209	167.168.209	(iii)
Chi phí khác	32	-	33.521.314	33.521.314	(iv)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ					
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	01	83.686.018.618	(3.272.687.934)	80.413.330.684	(i); (ii)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.245.257.550	288.000.000	2.533.257.550	(ii)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.309.715.978	2.984.687.934	6.294.403.912	(i)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Phân bổ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí giải phóng mặt bằng thuộc dự án Nhà máy Thủy điện Trà Xom vào giá vốn hàng bán năm 2019, số tiền 5.969.375.868 VND, trong đó, số ghi nhận bổ sung vào giá vốn hàng bán 6 tháng đầu năm 2019 là 2.984.687.934 VND
- (ii) Trích bổ sung chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019, số tiền 576.000.000 VND, trong đó, số ghi nhận bổ sung vào chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 là 288.000.000 VND
- (iii), (iv) Phân loại thu nhập khác và chi phí khác hoạt động chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải CERs, số tiền lần lượt là 167.168.209 VND và 33.521.314 VND
- (v) Phân loại lại chi phí lãi vay phải trả, số tiền 1.170.742.328 VND.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 57CT/HĐQT ngày 05/7/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất tạm chia cổ tức đợt 2 năm 2020 với tỷ lệ 8% (01 cổ phiếu nhận 800 VND), thời gian dự kiến thực hiện trong tháng 08 năm 2020.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Lê Quang Đạo

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoài Nam